TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **127**/2017/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 19 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 186/2017/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Bùi Văn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Bùi Văn H

- Về con: Chị B và anh H có 01 con chung là Bùi Thị Kiều T1, sinh ngày 23/4/2013. Chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Bùi Thị Kiều T1 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị B và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải nộp 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng), trả lại cho chị B 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2015/0006508 ngày 13/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tình